VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

Văn bản hợp nhất số 27/VBHN-BTC ngày 23 tháng 4 năm 2019 hợp nhất Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm

(Tiếp theo Công báo số 427 + 428)

Mẫu số 1-TBH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO DOANH THU TÁI BẢO HIỂM

Tên doanh nghiệp tái bảo hiểm:.....
Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến.....

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nghiệp vụ bảo hiểm	Phí nhận tái bảo hiểm (sau khi đã trừ giảm phí, hoàn phí bảo hiểm)			Phí nhượng tái bảo hiểm (sau khi đã trừ giảm phí, hoàn phí bảo hiểm)			Phí bảo hiểm giữ lại
		Tổng	Trong nước	Ngoài nước	Tổng	Trong nước	Ngoài nước	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A	**Bảo hiểm sức khỏe**							
1	Bảo hiểm tai nạn con người							
2	Bảo hiểm y tế							
3	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe							
B	**Bảo hiểm Phi nhân thọ**							
1	Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại							
2	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển							
3	Bảo hiểm hàng không							
4	Bảo hiểm xe cơ giới							
5	Bảo hiểm cháy, nổ							
6	Bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu							
7	Bảo hiểm trách nhiệm							
8	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính							
9	Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh							
10	Bảo hiểm nông nghiệp							
11	Bảo hiểm bảo lãnh							
C	**Bảo hiểm nhân thọ**							
1	Bảo hiểm trọn đời							
2	Bảo hiểm sinh kỳ							
3	Bảo hiểm tử kỳ							
4	Bảo hiểm hỗn hợp							
5	Bảo hiểm trả tiền định kỳ							
6	Bảo hiểm liên kết đầu tư							
7	Bảo hiểm hưu trí							
	Tổng cộng							

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thật.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Ghi chú: Chỉ tiêu (9) là kết quả chênh lệch giữa chỉ tiêu (3) và chỉ tiêu (6)

Mẫu số 2-TBH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO BỒI THƯỜNG/TRẢ TIỀN TÁI BẢO HIỂM

- Tên doanh nghiệp tái bảo hiểm:.....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến.....

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nghiệp vụ bảo hiểm	Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm		Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm		Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn
		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		
A	**Bảo hiểm sức khỏe**						
1	Bảo hiểm tai nạn con người						
2	Bảo hiểm y tế						
3	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe						
B	**Bảo hiểm Phi nhân thọ**						
1	Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại						
2	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển						
3	Bảo hiểm hàng không						
4	Bảo hiểm xe cơ giới						
5	Bảo hiểm cháy, nổ						
6	Bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu						
7	Bảo hiểm trách nhiệm						
8	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính						
9	Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh						
10	Bảo hiểm nông nghiệp						
11	Bảo hiểm bảo lãnh						
C	**Bảo hiểm nhân thọ**						
1	Bảo hiểm trọn đời						
2	Bảo hiểm sinh kỳ						
3	Bảo hiểm tử kỳ						
4	Bảo hiểm hỗn hợp						
5	Bảo hiểm trả tiền định kỳ						
6	Bảo hiểm liên kết đầu tư						
7	Bảo hiểm hưu trí						
	Tổng cộng						

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thật.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 3-TBH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KHẢ NĂNG THANH TOÁN

- Tên doanh nghiệp tái bảo hiểm: .....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến .....

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	Giá trị loại trừ tính biên khả năng thanh toán
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả			
2. Các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán: a) Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, chứng chỉ tiền gửi, tiền đang chuyển, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.		0%	
b) Tài sản tái bảo hiểm (trừ tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm);		0%	
3. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng tương ứng và giá trị hao mòn lũy kế (nếu có) theo quy định của pháp luật a) Các tài sản đầu tư (trừ các khoản đầu tư quy định tại điểm g, khoản 4 Mẫu này): + Trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo + Trái phiếu doanh nghiệp không có đảm bảo + Cổ phiếu được niêm yết, chứng chỉ quỹ + Cổ phiếu không được niêm yết + Đầu tư vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng + Đầu tư vào bất động sản để cho thuê + Vốn góp vào các doanh nghiệp khác (trừ vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm từ nguồn vốn chủ sở hữu) b) Các khoản phải thu: + Phải thu phí bảo hiểm quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm + Phải thu phí bảo hiểm quá hạn từ 1năm đến dưới 02 năm sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật + Phải thu tái bảo hiểm quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một nhà tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu). Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0% + Phải thu tái bảo hiểm quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một nhà tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu). Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%. c) Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho. d) Tài sản khác		1% 3% 15% 20% 8% 15% 20% 30% 50% 30% 50% 25% 15%	

4. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán: a) Các khoản vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu b) Các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật c) Tài sản cố định vô hình trừ phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất d) Chi phí trả trước; các khoản tạm ứng (trừ tạm ứng từ giá trị hoàn lại), trang thiết bị và đồ dùng văn phòng; các khoản phải thu nội bộ đ) Phải thu phí bảo hiểm quá hạn từ 02 năm trở lên ; e) Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 02 năm trở lên. g) Các khoản đầu tư trở lại cho các cổ đông (thành viên) góp vốn/người có liên quan quy định tại Luật Doanh nghiệp, trừ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng h) Các tài sản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chưa thu hồi được trong vòng 01 năm kể từ khi Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực. i) Các khoản đầu tư vào các tài sản vượt quá hạn mức quy định của pháp luật. k) Tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm.		100% 100% 100% 100% 100% 100% 100% 100% 100% 100%	
5. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp tái bảo hiểm			
6. Biên khả năng thanh toán tối thiểu - 25% tổng phí bảo hiểm thực giữ lại tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán - 12,5% của tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán			
7. So sánh 5 và 6:	- Theo số tuyệt đối - Theo tỷ lệ %		

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN DỰ PHÒNG VÀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký và đóng dấu)*

Mẫu số 1-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THÁNG

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Báo cáo tháng:..... từ..... đến.....

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nghiệp vụ bảo hiểm/hợp đồng bảo hiểm	Hợp đồng khai thác mới									Số lượng hợp đồng có hiệu lực		Số thành viên được BH có hiệu lực		Tổng doanh thu phí bảo hiểm		Số lượng hợp đồng hủy bỏ năm đầu lũy kế từ đầu năm	Trả tiền bảo hiểm (lũy kế từ đầu năm)
		Số lượng hợp đồng			Số thành viên được bảo hiểm			Phí bảo hiểm										
		Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước	Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước	Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước	Cuối tháng	Cùng kỳ năm trước	Cuối tháng	Cùng kỳ năm trước	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước		
	1. Nghiệp vụ bảo hiểm (sản phẩm bảo hiểm cá nhân):																	
	+ Bảo hiểm trọn đời																	
	+ Bảo hiểm sinh kỳ																	
	+ Bảo hiểm tử kỳ																	
	+ Bảo hiểm hỗn hợp																	
	+ Bảo hiểm trả tiền định kỳ																	
	+ Bảo hiểm liên kết đầu tư																	
	Bảo hiểm liên kết chung																	
	Bảo hiểm liên kết đơn vị																	
	+ Bảo hiểm hưu trí																	
	+ Bảo hiểm sức khỏe																	

	2. Bảo hiểm nhóm (chi tiết theo từng nghiệp vụ)																	
	3. Hợp đồng bảo hiểm:																	
	+ Hợp đồng chính																	
	+ Hợp đồng bổ trợ nhóm																	
	+ Hợp đồng bổ trợ cá nhân																	
	Tổng cộng																	

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và đóng dấu)*

Ghi chú: Phí khai thác mới bao gồm: phí bảo hiểm định kỳ năm đầu + phí bảo hiểm đóng 1 lần (khoản phí bảo hiểm định kỳ năm đầu tương đương với hợp đồng khai thác mới phát sinh trong năm tài chính).
Số lượng hợp đồng hủy bỏ năm đầu lũy kế từ đầu năm: Toàn bộ hợp đồng bảo hiểm bị hủy bỏ, chấm dứt trong năm hợp đồng đầu tiên, lũy kế từ 01 tháng 01 tới thời điểm lập báo cáo tháng.

Mẫu số 2-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG VÀ SỐ TIỀN BẢO HIỂM NHÂN THỌ

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo tính đến quý (năm):..... từ..... đến

Đơn vị: triệu đồng

STT	TÊN NGHIỆP VỤ/SẢN PHẨM	SỐ LŨY KẾ ĐẾN KỲ BÁO CÁO							CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC						
A	Kết quả khai thác mới	Số lượng hợp đồng	Số lượng thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Tuổi người được bảo hiểm bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại	Số lượng hợp đồng	Số thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Tuổi người được bảo hiểm bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
2	Nghiệp vụ bảo hiểm sinh kỳ														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
3	Nghiệp vụ Bảo hiểm hỗn hợp														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														

4	Nghiệp vụ Bảo hiểm trọn đời														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
5	Nghiệp vụ Bảo hiểm trả tiền định kỳ														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
6	Nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết chung														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
7	Bảo hiểm liên kết đơn vị														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
8	Bảo hiểm hưu trí														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
9	Nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														

10	Sản phẩm bảo hiểm nhóm														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
	Tổng các sản phẩm chính														
11	Sản phẩm bổ trợ														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
	TỔNG SẢN PHẨM CHÍNH VÀ BỔ SUNG														

B	**Hợp đồng có hiệu lực**	**Số lượng hợp đồng**	**Số lượng thành viên được bảo hiểm**	**Thời hạn hợp đồng bình quân**	**Thời hạn hợp đồng còn lại bình quân**	**Số tiền bảo hiểm**	**Phí bảo hiểm gốc**	**Phí giữ lại**	**Số lượng hợp đồng**	**Số thành viên được bảo hiểm**	**Thời hạn hợp đồng bình quân**	**Thời hạn hợp đồng còn lại bình quân**	**Số tiền bảo hiểm**	**Phí bảo hiểm gốc**	**Phí giữ lại**
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
2	Nghiệp vụ bảo hiểm sinh kỳ														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
3	Nghiệp vụ Bảo hiểm hỗn hợp														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														

4	Nghiệp vụ Bảo hiểm trọn đời														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
5	Nghiệp vụ Bảo hiểm trả tiền định kỳ														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
6	Nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết chung														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
7	Bảo hiểm liên kết đơn vị														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
8	Bảo hiểm hưu trí														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
9	Nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														

10	Sản phẩm bảo hiểm nhóm														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
	Tổng các sản phẩm chính														
11	Sản phẩm bổ trợ														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
	TỔNG SẢN PHẨM CHÍNH VÀ BỔ SUNG														

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Thời hạn hợp đồng bình quân được tính tương ứng với từng sản phẩm = Tổng thời hạn hợp đồng của các hợp đồng thuộc 1 sản phẩm/tổng số lượng hợp đồng thuộc sản phẩm đó, thời hạn hợp đồng bình quân được tính theo năm;
2. Tuổi người được bảo hiểm bình quân tính tại thời điểm giao kết hợp đồng;
3. Cột số lượng thành viên trong nhóm chỉ áp dụng cho sản phẩm bảo hiểm nhóm;
4. Số tại thời điểm báo cáo là số lũy kế.

Mẫu số 3-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỦY BỎ, CHẤM DỨT, ĐÁO HẠN VÀ CHI TRẢ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NHÂN THỌ

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo tính đến quý (năm):..... từ..... đến .....

		Số lũy kế đến kỳ báo cáo									Cùng kỳ năm trước								
		Năm hợp đồng thứ 1			Năm hợp đồng thứ 2			Năm hợp đồng thứ 3 +			Năm hợp đồng thứ 1			Năm hợp đồng thứ 2			Năm hợp đồng thứ 3 +		
		Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B.Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B.Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B.Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác
A	**Hợp đồng bảo hiểm hủy bỏ trong thời gian cân nhắc**																		
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
2	Nghiệp vụ bảo hiểm sinh kỳ																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		

3	Nghiệp vụ Bảo hiểm hỗn hợp																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
4	Nghiệp vụ Bảo hiểm trọn đời																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
5	Nghiệp vụ Bảo hiểm trả tiền định kỳ																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
6	Nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết chung																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
7	Bảo hiểm liên kết đơn vị																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		

8	Bảo hiểm hưu trí																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
9	Nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
10	Sản phẩm nhóm																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
11	Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
	TỔNG MỤC A																		
B	**Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt do xảy ra sự kiện bảo hiểm**																		
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		

2	Nghiệp vụ bảo hiểm sinh kỳ																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
3	Nghiệp vụ Bảo hiểm hỗn hợp																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
4	Nghiệp vụ Bảo hiểm trọn đời																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
5	Nghiệp vụ Bảo hiểm trả tiền định kỳ																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
6	Nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết chung																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		

7	Bảo hiểm liên kết đơn vị																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
8	Bảo hiểm hưu trí																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
9	Nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
10	Sản phẩm nhóm																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
11	Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
	TỔNG MỤC B																		
C	**Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt, hủy bỏ trong kỳ**																		
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ																		

	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
2	Nghiệp vụ bảo hiểm sinh kỳ																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
3	Nghiệp vụ Bảo hiểm hỗn hợp																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
4	Nghiệp vụ Bảo hiểm trọn đời																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
5	Nghiệp vụ Bảo hiểm trả tiền định kỳ																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
6	Nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết chung																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo																		

	phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
7	Bảo hiểm liên kết đơn vị																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
8	Bảo hiểm hưu trí																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
9	Nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
10	Sản phẩm bảo hiểm nhóm																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
11	Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		

	TỔNG MỤC C																		
D	**Hợp đồng bảo hiểm đáo hạn**																		
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
2	Nghiệp vụ bảo hiểm sinh kỳ																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
3	Nghiệp vụ Bảo hiểm hỗn hợp																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
4	Nghiệp vụ Bảo hiểm trọn đời																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
5	Nghiệp vụ Bảo hiểm trả tiền định kỳ																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		

6	Nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết chung																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
7	Bảo hiểm liên kết đơn vị																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
8	Bảo hiểm hưu trí																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
9	Nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
10	Sản phẩm bảo hiểm nhóm																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
11	Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ																		

	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
	TỔNG MỤC D																		
E	**Nguyên nhân khác**																		
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
2	Nghiệp vụ bảo hiểm sinh kỳ																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
3	Nghiệp vụ Bảo hiểm hỗn hợp																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
4	Nghiệp vụ Bảo hiểm trọn đời																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
5	Nghiệp vụ Bảo hiểm trả tiền định kỳ																		

	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
6	Nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết chung																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
7	Bảo hiểm liên kết đơn vị																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
8	Bảo hiểm hưu trí																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
9	Nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
10	Sản phẩm bảo hiểm nhóm																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		

11	Sản phẩm bổ trợ																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
	TỔNG MỤC E																		
	TỔNG																		

Ghi chú: Số tại thời điểm báo cáo là số lũy kế.

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 4A-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG TOÁN HỌC BẢO HIỂM NHÂN THỌ

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: .....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến .....

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng toán học đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng toán học trích lập tăng trong kỳ		Dự phòng toán học trích lập giảm trong kỳ		Dự phòng toán học trích lập trong kỳ		Dự phòng toán học phải trích lập cuối kỳ
		HĐ khai thác mới	HĐ tái tục	HĐ khai thác mới	HĐ tái tục	HĐ khai thác mới	HĐ tái tục	
	(1)	(2)		(3)		(4)=(2)-(3)		(5)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... ***Cộng:***								

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký và đóng dấu)*

Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo từng loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.

- "Dự phòng toán học đã trích lập đầu kỳ": số dư đầu kỳ của dự phòng toán học đã trích lập kỳ trước.

Mẫu số 4B-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHÍ CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến.....

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng phí chưa được hưởng phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng phí chưa được hưởng trong kỳ
	(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
1. Bảo hiểm tử kỳ - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm 2.... ***Cộng:***			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký và đóng dấu)*

Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.

- "Dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập đầu kỳ": số dư đầu kỳ của dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập kỳ trước.

Mẫu số 4C-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG BỒI THƯỜNG

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: .....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến .....

I. Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng bồi thường đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng bồi thường phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng bồi thường trong kỳ
	(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... ***Cộng***			

II. Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng bồi thường đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng bồi thường phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng bồi thường trong kỳ
	(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B.....			

+ Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... ***Cộng***			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký và đóng dấu)*

Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo loại từng sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm

Mẫu số 4D-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG CHIA LÃI

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: .....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến .....

I. Dự phòng cho phần lãi đã công bố

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng chia lãi đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng chia lãi phải trích lập cuối kỳ	Lãi chia đã thanh toán trong kỳ	Trích lập dự phòng chia lãi trong kỳ
	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)+(2)-(1)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... ***Cộng:***				

Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo từng loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm

II. Dự phòng cho phần lãi chưa công bố

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng chia lãi đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng chia lãi phải trích lập cuối kỳ	Lãi chia đã thanh toán trong kỳ	Trích lập dự phòng chia lãi trong kỳ
	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)+(2)-(1)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân				

+ Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... ***Cộng:***				

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	**CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN**	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký và đóng dấu)*

Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo từng loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.

Mẫu số 4E-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG BẢO ĐẢM LÃI SUẤT CAM KẾT

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: .....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến .....

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng lãi suất cam kết đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng lãi suất cam kết đã trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng lãi suất cam kết trong kỳ
	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... ***Cộng:***			

Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo từng loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký và đóng dấu)*

Mẫu số 4G-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG BẢO ĐẢM CÂN ĐỐI

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: .....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến .....

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	Tăng (giảm)
	(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
Lợi nhuận trước thuế Dự phòng bảo đảm cân đối			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký và đóng dấu)*

Mẫu số 5-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: .....
- Báo cáo quý (năm)..... từ..... đến.....

Đơn vị: Triệu đồng

A. BÁO CÁO NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Nguồn vốn chủ sở hữu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ	Doanh thu đầu tư	Lợi nhuận đầu tư
I. Nguồn vốn chủ sở hữu						
1. Phần vốn chủ sở hữu bằng với vốn pháp định hoặc biên KNTT tối thiểu (tùy số nào lớn hơn)						
2. Phần vốn chủ sở hữu còn lại (sau khi trừ đi phần vốn chủ sở hữu tại mục I.1 nêu trên)						
- Đầu tư trong nước						
- Đầu tư ra nước ngoài						
II. Tổng dự phòng nghiệp vụ						
1. Gửi tại các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam để trả tiền bảo hiểm thường xuyên trong kỳ						
2. Nguồn vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ						
III. Tổng số tiền đầu tư						

Ghi chú: Số liệu về doanh thu đầu tư và lợi nhuận hoạt động đầu tư đề nghị là số lũy kế tính tới thời điểm lập báo cáo

B. BÁO CÁO CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	Kỳ báo cáo (Quý/Năm)							**Cùng kỳ năm trước (Quý/Năm)**						
Danh mục đầu tư	Giá trị tài sản đầu kỳ	Lãi suất bình quân (coupon)	Lợi nhuận đầu tư phát sinh trong kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư phát sinh trong kỳ	Thay đổi đầu tư khác phát sinh trong kỳ	Giá trị tài sản cuối kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư lũy kế cuối kỳ	Giá trị tài sản đầu kỳ	Lãi suất bình quân (coupon)	Lợi nhuận đầu tư phát sinh trong kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư phát sinh trong kỳ	Thay đổi đầu tư khác phát sinh trong kỳ	Giá trị tài sản cuối kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư lũy kế cuối kỳ
I. Đầu tư từ Nguồn vốn chủ sở hữu														

1. Gửi tiền tại Các tổ chức tín dụng														
- Các khoản tiền gửi dưới 3 tháng														
- Các khoản tiền gửi trên 3 tháng và dưới 1 năm														
- Các khoản tiền gửi > 1 năm														
2. Trái phiếu chính phủ *(chi tiết theo từng thời hạn ban đầu của trái phiếu)*														
- Tín phiếu kho bạc														
- Trái phiếu kho bạc														
- Công trái xây dựng tổ quốc														
3. Trái phiếu chính quyền địa phương														
4. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh														
5. Trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm														
6. Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm														
7. Cổ phiếu														
8. Chứng chỉ quỹ														
9. Góp vốn vào các doanh nghiệp khác														
10. Kinh doanh bất động sản														
11. Tạm ứng từ giá trị tài khoản của khách hàng *(bao gồm cả tạm ứng để đóng phí bảo hiểm)*														
12. Khác														
13. Ủy thác đầu tư														
II. Đầu tư nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ														
1. Gửi tiền tại Các tổ chức tín dụng														
- Các khoản tiền gửi dưới 3 tháng														

- Các khoản tiền gửi trên 3 tháng và dưới 1 năm														
- Các khoản tiền gửi > 1 năm														
2. Trái phiếu chính phủ *(chi tiết theo từng thời hạn ban đầu trái phiếu)*														
- Tín phiếu kho bạc														
- Trái phiếu kho bạc														
- Công trái xây dựng tổ quốc														
3. Trái phiếu chính quyền địa phương														
4. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh														
5. Trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm														
6. Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm														
7. Cổ phiếu														
8. Chứng chỉ quỹ														
9. Góp vốn vào các doanh nghiệp khác														
10. Kinh doanh bất động sản														
11. Tạm ứng từ giá trị tài khoản của khách hàng *(bao gồm cả tạm ứng để đóng phí bảo hiểm)*														
12. Khác														
13. Ủy thác đầu tư														

Ghi chú: *Đối với hoạt động ủy thác đầu tư, đề nghị doanh nghiệp kê chi tiết danh mục đầu tư đối với giá trị tài sản ủy thác đầu tư theo thứ tự từ 1-12.*

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 6-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KHẢ NĂNG THANH TOÁN

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: .....
- Báo cáo tháng, quý (năm)..... từ..... đến.....

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	Giá trị loại trừ tính biên khả năng thanh toán
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả			
2. Các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán			
- Tiền mặt, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, tiền đang chuyển, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh không hạn chế		0%	
- Các tài sản tương ứng với các hợp đồng bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí tự nguyện		0%	
- Tài sản tái bảo hiểm (trừ tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm)		0%	
- Tạm ứng từ giá trị hoàn lại.		0%	
3. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán			
a) Các tài sản đầu tư:			
+ Trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo		1%	
+ Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm		3%	
+ Cổ phiếu được niêm yết, chứng chỉ quỹ		15%	
+ Cổ phiếu không được niêm yết		20%	
+ Đầu tư vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng		8%	
+ Đầu tư vào bất động sản cho thuê		15%	
+ Vốn góp vào các doanh nghiệp khác (trừ vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm từ nguồn vốn chủ sở hữu)		20%	
b) Các khoản phải thu:			
+ Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm		30%	
+ Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật		50%	
+ Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm: loại trừ 30%. Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%		30%	
+ Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận		50%	

tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm: loại trừ 50%. Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%; c) Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho d) Tài sản khác.		25% 15%	
4. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán: a) Các khoản vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu b) Các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật c) Tài sản cố định vô hình trừ phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất d) Chi phí trả trước, các khoản tạm ứng (trừ tạm ứng từ giá trị hoàn lại), trang thiết bị và đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ đ) Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn từ 02 năm trở lên e) Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 2 năm trở lên g) Các khoản đầu tư trở lại cho cổ động (thành viên) góp vốn hoặc người có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, trừ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng h) Các khoản đầu tư gián tiếp nước ngoài chưa thu hồi được trong vòng 01 năm kể từ khi quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực i) Các khoản đầu tư vào các tài sản vượt quá hạn mức quy định của pháp luật k) Tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm		100% 100% 100% 100% 100% 100% 100% 100% 100% 100%	
5. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp			
6. Biên khả năng thanh toán tối thiểu - Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn 5 năm trở xuống - Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 5 năm			
7. So sánh 5 và 6:	- Theo số tuyệt đối - Theo tỷ lệ %		

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU	CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 7-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO ASEAN

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: .....
- Báo cáo năm..... từ..... đến .....

I. BÁO CÁO NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

Đơn vị: nghìn USD

Tiêu chí	Số lượng hợp đồng	Số lượng chứng nhận bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm
A. HỢP ĐỒNG KHAI THÁC MỚI			
1. Các hợp đồng không phải là bảo hiểm trả tiền định kỳ a) Bảo hiểm cá nhân i. Bảo hiểm tử kỳ ii. Bảo hiểm khác iii. Bảo hiểm liên kết đầu tư b) Bảo hiểm nhóm TỔNG SỐ 2. Bảo hiểm trả tiền định kỳ			
B. HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM CÓ HIỆU LỰC 1. Các hợp đồng không phải là bảo hiểm trả tiền định kỳ a) Bảo hiểm cá nhân i. Bảo hiểm tử kỳ ii. Bảo hiểm khác iii. Bảo hiểm liên kết đầu tư b) Bảo hiểm nhóm TỔNG SỐ 2. Bảo hiểm trả tiền định kỳ			

II. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: nghìn USD

TÀI SẢN	Số tiền	CÔNG NỢ VÀ NGUỒN VỐN	Số tiền
Trái phiếu chính phủ Tài sản cố định Bất động sản Đầu tư vào bất động sản Tài sản cố định khác Cho vay thế chấp Chứng khoán doanh nghiệp có lãi suất cố định Cổ phiếu và các chứng khoán khác Cho vay theo hợp đồng bảo hiểm Các khoản cho vay khác Tiền		Vốn và các quỹ Vốn điều lệ đã góp Các quỹ Dự phòng đánh giá lại tài sản Thặng dư quỹ chủ hợp đồng chưa chia Dự phòng nghiệp vụ Dự phòng toán học Dự phòng phí Dự phòng bồi thường Dự phòng khác	

Tiền gửi ngân hàng Tiền mặt và tài khoản thanh toán Các khoản đầu tư khác Thuế được hoàn trả Phải thu phí bảo hiểm Phải thu từ DNBH/doanh nghiệp tái bảo hiểm Các tài sản khác **Tổng tài sản**		Thấu chi ngân hàng Bồi thường phải trả Nợ thuế Chi phí bảo hiểm dồn tích Đặt cọc phí bảo hiểm Phải trả DNBH/doanh nghiệp tái bảo hiểm Công nợ khác **Tổng công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu**	

III. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: nghìn USD

Mục	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Thu nhập phí bảo hiểm ròng	
2	Thu nhập đầu tư ròng	
3	Thu nhập khác	
4	Tổng (1+2+3)	
5	Quyền lợi bảo hiểm phát sinh a. Đáo hạn b. Tử vong c. Trả giá trị hoàn lại d. Trả tiền định kỳ đ. Khác	
6	Bảo tức trả chủ hợp đồng	
7	Tăng (giảm) dự phòng nghiệp vụ	
8	Tổng (5+6+7)	
9	Hoa hồng	
10	Thuế, phí và lệ phí	
11	Chi phí chung cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm	
12	Chi phí khác	
13	Tổng (8+9+10+11+12)	
14	Thu nhập ròng từ hoạt động kinh doanh chưa tính đến các khoản lãi và lỗ từ vốn, thuế thu nhập doanh nghiệp, cổ tức trả cổ đông và các khoản phân bổ khác (4-13)	
15	Lãi và lỗ từ vốn đã được thực hiện	
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	
17	Cổ tức trả cho cổ đông	
18	Các khoản phân bổ khác	
19	Tổng (16+17+18)	
20	Thu nhập ròng đã tính đến các khoản lãi và lỗ từ vốn, thuế thu nhập doanh nghiệp, cổ tức trả cổ đông và các khoản phân bổ khác (14+15-19)	

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 8-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÁCH QUỸ, CHIA LÃI

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Báo cáo năm:..... từ..... đến.....

I. Trình bày chính sách ghi nhận

1. Nguyên tắc kế toán tách quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm và quỹ chủ sở hữu

- Ghi nhận tài sản:.....
- Ghi nhận nguồn vốn:.....
- Ghi nhận doanh thu:.....
- Ghi nhận chi phí:.....

2. Nguyên tắc phân bổ chi phí giữa quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm và quỹ chủ sở hữu:

- Loại chi phí phải phân bổ:
- Tiêu thức phân bổ theo từng loại chi phí:.....

3. Nguyên tắc phân bổ chi phí giữa các quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm:

- Loại chi phí phải phân bổ:
- Tiêu thức phân bổ theo từng loại chi phí:.....

4. Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả giữa các quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm và quỹ chủ sở hữu:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ						Số phát sinh trong kỳ						Số cuối kỳ					
	Tổng số	Quỹ chủ hợp đồng				Quỹ chủ sở hữu	Tổng số	Quỹ chủ hợp đồng				Quỹ chủ sở hữu	Tổng số	Quỹ chủ hợp đồng				Quỹ chủ sở hữu
		Quỹ không chia lãi	Quỹ chia lãi	Quỹ liên kết chung	.....			Quỹ không chia lãi	Quỹ chia lãi	Quỹ liên kết chung	.....			Quỹ không chia lãi	Quỹ chia lãi	Quỹ liên kết chung	...	
1. Phải thu/Phải trả liên quan đến bù đắp từ quỹ chủ sở hữu sang quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm:																		

- Bù đắp thâm hụt - ... (Chi tiết theo từng giao dịch)																		
2. Phải thu/Phải trả liên quan đến khấu hao tài sản cố định																		

Ghi chú: Báo cáo chi tiết nội dung, lý do giao dịch bù đắp giữa các quỹ chủ hợp đồng và quỹ chủ sở hữu

II. Tài sản, nợ phải trả và kết quả hoạt động

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Quỹ chủ hợp đồng								Quỹ chủ sở hữu		Tổng số	
	Số đầu năm				Số cuối năm				Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
	Quỹ chủ hợp đồng không chia lãi	Quỹ chủ hợp đồng chia lãi	Quỹ liên kết chung	...	Quỹ chủ hợp đồng không chia lãi	Quỹ chủ hợp đồng chia lãi	Quỹ liên kết chung	...				
I. TÀI SẢN, NỢ PHẢI TRẢ												
A. TÀI SẢN												
I. Tài sản đầu tư tài chính												
1. Tiền gửi kỳ hạn												
2. Trái phiếu + Trái phiếu kho bạc thời hạn... + Trái phiếu Công ty.... + ...												
3. Cổ phiếu + Cổ phiếu A + Cổ phiếu B + ...												
.....												
II. Tài sản không mang đi đầu tư												
1. Tiền												
2. Phải thu (chi tiết các khoản phải thu)												

3. Tài sản cố định (chỉ ghi nhận cho quỹ chủ sở hữu)												
4. Khác												
5. Phải thu nội bộ giữa các quỹ												
- Bù đắp thâm hụt quỹ												
- Quỹ mồi												
- Lãi đầu tư từ phần vốn bù đắp (chi tiết đối với từng khoản mục bù đắp)												
- ..... (chi tiết từng giao dịch)												
Cộng tài sản												
B. NGUỒN VỐN VÀ NỢ PHẢI TRẢ												
I. Nguồn vốn												
1. Quỹ mồi												
2. Lãi/lỗ lũy kế												
II. Nợ phải trả												
1. Nợ ngắn hạn												
2. Nợ dài hạn												
3. Dự phòng												
Chỉ tiêu	**Quỹ chủ hợp đồng**								**Quỹ chủ sở hữu**		**Tổng số**	
	Số đầu năm				**Số cuối năm**				**Số đầu năm**	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**	**Số cuối năm**
	Quỹ chủ hợp đồng không chia lãi	Quỹ chủ hợp đồng chia lãi	Quỹ liên kết chung	...	Quỹ chủ hợp đồng không chia lãi	Quỹ chủ hợp đồng chia lãi	Quỹ liên kết chung	...				
4. Phải trả nội bộ giữa các quỹ												
- Bù đắp thâm hụt quỹ												
- Quỹ mồi												
- Lãi đầu tư từ phần vốn bù đắp (chi tiết đối với từng khoản mục bù đắp)												
- ..... (chi tiết từng giao dịch)												
Cộng nguồn vốn												

C. TÀI SẢN THUẦN												
II. DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG												
D. Doanh thu												
I. Doanh thu phí bảo hiểm												
1. Doanh thu phí bảo hiểm gốc												
2. Các khoản giảm trừ doanh thu												
II. Doanh thu từ hoạt động đầu tư												
III. Doanh thu khác												
Đ. Chi phí												
I. Chi phí kinh doanh bảo hiểm												
1. Chi trả tiền bảo hiểm												
2. Chi phí khai thác hợp đồng												
3. Chi phí trích lập dự phòng												
4. Chi phí trực tiếp khác												
II. Chi phí quản lý												
III. Chi phí hoạt động đầu tư												
IV. Chi phí khác												
E. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG												
- Phân chia kết quả hoạt động giữa quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm và quỹ chủ sở hữu trong năm												
- Số bù đắp của quỹ chủ sở hữu cho quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm trong năm												

III. Phân chia thặng dư

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi	Quỹ chủ sở hữu	Quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi	Quỹ chủ sở hữu	Quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi	Quỹ chủ sở hữu
1. Dự phòng chia lãi						
2. Dự phòng lãi chưa chia						

3. Lãi phải trả cho chủ hợp đồng trong năm						
4. Lãi đã trả cho chủ hợp đồng trong năm						
5. Chi khác						
6. Lãi chia cho chủ sở hữu: - Số tuyệt đối: - Số tương đối (bằng số tuyệt đối chia cho tổng số lãi đem đi chia cho chủ hợp đồng bảo hiểm):						

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

..... Ngày..... tháng..... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU	CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 9-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO QUY MÔ KÊNH PHÂN PHỐI

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: .....
- Báo cáo tính đến quý (năm)..... từ..... đến.....

Mẫu số 10-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO DOANH THU THEO KÊNH PHÂN PHỐI

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: .....
- Báo cáo tính đến quý (năm)..... từ..... đến.....

Mẫu số 11-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

- Tên doanh nghiệp:.....
- Báo cáo tính đến quý (năm): từ..... đến.....

		Số lũy kế đến kỳ báo cáo			Cùng kỳ năm trước		
STT	**Nội dung**	**Tên Địa điểm**	**Địa chỉ**	**Số lượng**	**Tên Địa điểm**	**Địa chỉ**	**Số lượng**
1	Chi nhánh						
	Tổng số						
2	Văn phòng đại diện						
	Tổng số						
3	Trung tâm dịch vụ khách hàng/Địa điểm kinh doanh/ Văn phòng Kinh doanh						
	Tổng số						
4	Mô hình khác (theo cơ cấu tổ chức của Doanh nghiệp)						
	Tổng số						

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 12-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
DANH MỤC SẢN PHẨM CỦA DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM NHÂN THỌ

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ:.....
- Tháng báo cáo.....

STT	Tên nghiệp vụ	Tên sản phẩm được Bộ Tài chính phê chuẩn	Tên thương mại (nếu có)	Số công văn phê chuẩn của BTC, ngày phê chuẩn	Công văn phê chuẩn sửa đổi, bổ sung (nếu có)	Ngày triển khai	Ngày dừng triển khai
Sản phẩm bảo hiểm chính							
Sản phẩm bổ trợ (nếu có)							

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực

...., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 13-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CỦA CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Thời kỳ báo cáo: Từ 01/01/năm... đến 31/12/năm...

I. BÁO CÁO VỀ SẢN PHẨM BẢO HIỂM

1. Về cơ cấu sản phẩm:

1.1. Báo cáo về sản phẩm:

Tên sản phẩm	Tình trạng (*)	Tỷ trọng theo doanh thu (%)	Tỷ trọng theo số lượng hợp đồng khai thác mới (%)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2....			

(*): Tình trạng là một trong 3 tình trạng sau:

- Ngừng triển khai trong kỳ
- Mới triển khai trong kỳ
- Đang triển khai: đối với các sản phẩm đã bắt đầu triển khai từ những kỳ trước và vẫn tiếp tục được triển khai.

1.2. Nhận xét, đánh giá của Chuyên gia tính toán về sự thay đổi cơ cấu sản phẩm của doanh nghiệp trong kỳ.

2. Đánh giá các giả định tính phí và tính dự phòng:

Giả định tính phí

Tên sản phẩm	Giả định tính phí đang áp dụng				Thực tế tại doanh nghiệp				Chênh lệch giữa thực tế và giả định				Ghi chú
	Lãi suất	Bảng tỷ lệ tử vong	Chi phí	(..) (*)	Lãi suất	Bảng tỷ lệ tử vong	Chi phí	(..) (*)	Lãi suất	Bảng tỷ lệ tử vong	Chi phí	(...) (*)	
Sản phẩm A													
.....													

Giả định tính dự phòng

Tên sản phẩm	Các thay đổi đã được phê chuẩn trong năm (**)			Cơ sở tính dự phòng hiện tại			Ghi chú (***)
	Lãi suất	**Bảng tỷ lệ tử vong**	**(...)(*)**	**Lãi suất**	**Bảng tỷ lệ tử vong**	**(...)(*)**	
Sản phẩm A							
.....							

(*): các giả định khác

(**): Các thay đổi trong giả định tính dự phòng đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trong năm và sẽ được áp dụng trong năm kế tiếp.

(***) Phần ghi chú để trình bày cơ sở của các thay đổi này (ví dụ: trên cơ sở các thống kê từ tỷ lệ thực tế của công ty, các nghiên cứu, thống kê được công bố, các tỷ lệ cung cấp của công ty tái bảo hiểm...).

Nhận xét, đánh giá của chuyên gia tính toán về tính hợp lý của các giả định mới áp dụng.

3. Doanh thu phí và tỷ lệ trả tiền bảo hiểm

Tên sản phẩm	**Tổng doanh thu phí trong kỳ (A)**	**Tổng số tiền bồi thường và trả tiền bảo hiểm trong kỳ (B)**	**Tỷ lệ B/A (%)**
Sản phẩm A			
.....			

II. BÁO CÁO VỀ PHÂN CHIA THẶNG DƯ

	Chủ sở hữu	**Chủ hợp đồng chia lãi**	**Chủ hợp đồng không chia lãi**	**Quỹ liên kết chung**	**..... (*)**
Thặng dư phát sinh trong kỳ					

Thặng dư phân chia trong kỳ - Chủ hợp đồng - Chủ sở hữu					
Thặng dư giữ lại trong kỳ					
Tổng thặng dư giữ lại (số lũy kế đến cuối kỳ)					

(*) Các quỹ khác theo nguyên tắc tách quỹ của doanh nghiệp

- Nhận xét của Chuyên gia tính toán về việc đảm bảo phân chia thặng dư theo nguyên tắc đã đăng ký với Bộ Tài chính và quy định của pháp luật.

III. BÁO CÁO VỀ BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

- Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp đầu kỳ (C):

- Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp đầu kỳ (D):

- So sánh C và D (theo số tuyệt đối và tỷ lệ C/D):

- Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp cuối kỳ (E):

- Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp cuối kỳ (F):

- So sánh E/F:

- Nhận xét của Chuyên gia tính toán về khả năng thanh toán của doanh nghiệp và sự thay đổi biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

IV. BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN VÀ CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ

- Chính sách, quy trình, và kiểm soát của công ty liên quan đến hoạt động đầu tư của các quỹ.

- Phương thức định giá tài sản cho từng loại hình tài sản đầu tư.

- Sự tương xứng về thời hạn, tính thanh khoản, và bản chất rủi ro giữa tài sản có và tài sản nợ của các quỹ.

	Chủ hợp đồng chia lãi	**Chủ hợp đồng không chia lãi**	**Quỹ liên kết chung**	**..... (*)**
Tổng tài sản				
Thời hạn trung bình của tài sản				
Tổng dự phòng				
Thời hạn trung bình còn lại của các hợp đồng đang có hiệu lực				

(*) các quỹ khác theo nguyên tắc tách quỹ của doanh nghiệp

- Nhận xét của Chuyên gia tính toán về mức độ hợp lý giữa thời hạn của tài sản đầu tư và mức trách nhiệm cam kết của doanh nghiệp.

- Mức độ sử dụng công cụ phái sinh tài chính (nếu có), và ảnh hưởng của công cụ phái sinh tài chính đến rủi ro đầu tư của các Quỹ.

- Kết quả đầu tư của từng Quỹ trong năm tài chính báo cáo.

Đối với các nội dung chính trên, Chuyên gia tính toán cần nêu ra ý kiến của mình về sự tương thích của chính sách đầu tư hiện hành với bản chất hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong từng quỹ. Nếu Chuyên gia tính toán nhận thấy chính sách hiện hành không thích hợp, Chuyên gia tính toán cần nêu ra đề xuất để khắc phục.

Tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

..., ngày... tháng... năm...
CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký và ghi rõ tên)

Mẫu số 1-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THÁNG

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Báo cáo tháng:..... từ..... đến.....

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nghiệp vụ bảo hiểm	Hợp đồng khai thác mới									Số lượng hợp đồng có hiệu lực		Số thành viên được BH có hiệu lực		Tổng doanh thu phí bảo hiểm		Số lượng hợp đồng hủy bỏ năm đầu lũy kế từ đầu năm	Trả tiền bảo hiểm
		Số lượng hợp đồng			Số thành viên được bảo hiểm			Phí bảo hiểm										
		Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước	Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước	Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước	Cuối tháng	Cùng kỳ năm trước	Cuối tháng	Cùng kỳ năm trước	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước		
1	Bảo hiểm tai nạn con người																	
2	Bảo hiểm y tế																	
3	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe																	
	Tổng cộng																	

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Ghi chú: Phí khai thác mới bao gồm: phí bảo hiểm định kỳ năm đầu + phí bảo hiểm đóng 1 lần. Số liệu này tương đương với số liệu ghi nhận tại tài khoản doanh thu phí bảo hiểm năm đầu của bộ phận kế toán.

Mẫu số 2-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG VÀ SỐ TIỀN BẢO HIỂM SỨC KHỎE

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

Đơn vị: triệu đồng

STT	TÊN NGHIỆP VỤ/SẢN PHẨM	KỲ BÁO CÁO (Quý/Năm)							CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC (Quý/Năm)						
A	Kết quả khai thác mới	Số lượng hợp đồng	Số lượng thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Tuổi người được bảo hiểm bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại	Số lượng hợp đồng	Số thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Tuổi người được bảo hiểm bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tai nạn con người														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
2	Nghiệp vụ bảo hiểm y tế														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														

3	Nghiệp vụ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
	TỔNG CỘNG														

B	**Hợp đồng có hiệu lực**	**Số lượng hợp đồng**	**Số lượng thành viên được bảo hiểm**	**Thời hạn hợp đồng bình quân**	**Thời hạn hợp đồng còn lại bình quân**	**Số tiền bảo hiểm**	**Phí bảo hiểm gốc**	**Phí giữ lại**	**Số lượng hợp đồng**	**Số thành viên được bảo hiểm**	**Thời hạn hợp đồng bình quân**	**Thời hạn hợp đồng còn lại bình quân**	**Số tiền bảo hiểm**	**Phí bảo hiểm gốc**	**Phí giữ lại**
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tai nạn con người														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
2	Nghiệp vụ bảo hiểm y tế														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
3	Nghiệp vụ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe														

	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
	TỔNG CỘNG														

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Thời hạn hợp đồng bình quân được tính tương ứng với từng sản phẩm = Tổng thời hạn hợp đồng của các hợp đồng thuộc 1 sản phẩm/tổng số lượng hợp đồng thuộc sản phẩm đó;

2.Tuổi người được bảo hiểm bình quân tính tại thời điểm giao kết hợp đồng;

3. Cột số lượng thành viên trong nhóm chỉ áp dụng cho sản phẩm bảo hiểm nhóm;

4. Số tại thời điểm báo cáo là số lũy kế.

Mẫu số 3-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỦY BỎ, CHẤM DỨT, ĐÁO HẠN VÀ CHI TRẢ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SỨC KHỎE

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo tháng:..... từ..... đến .....

		Số lũy kế đến kỳ báo cáo									Cùng kỳ năm trước								
		Năm hợp đồng thứ 1			Năm hợp đồng thứ 2			Năm hợp đồng thứ 3 +			Năm hợp đồng thứ 1			Năm hợp đồng thứ 2			Năm hợp đồng thứ 3 +		
		Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B.Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B.Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B.Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B.Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác
A.	**Hợp đồng bảo hiểm hủy bỏ trong thời gian cân nhắc**																		
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tai nạn con người																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
2	Nghiệp vụ bảo hiểm y tế																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
3	Nghiệp vụ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe																		

	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
	TỔNG MỤC A																		
B	**Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt do xảy ra sự kiện bảo hiểm**																		
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tai nạn con người																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
2	Nghiệp vụ bảo hiểm y tế																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
3	Nghiệp vụ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
	TỔNG MỤC B																		
C	**Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt, hủy bỏ trong kỳ**																		
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tai nạn con người																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
2	Nghiệp vụ bảo hiểm y tế																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		

3	Nghiệp vụ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
	TỔNG MỤC C																		
D	**Hợp đồng bảo hiểm đáo hạn**																		
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tai nạn con người																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
2	Nghiệp vụ bảo hiểm y tế																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
3	Nghiệp vụ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
	TỔNG MỤC D																		
E	**Nguyên nhân khác**																		
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tai nạn con người																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
2	Nghiệp vụ bảo hiểm y tế																		

	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
3	Nghiệp vụ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
	TỔNG MỤC E																		

Ghi chú: Số tại thời điểm báo cáo là số lũy kế.

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 4A-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG TOÁN HỌC BẢO HIỂM SỨC KHỎE

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: .....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến .....

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng toán học đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng toán học trích lập tăng trong kỳ		Dự phòng toán học trích lập giảm trong kỳ		Dự phòng toán học trích lập trong kỳ		Dự phòng toán học phải trích lập cuối kỳ
		HĐ khai thác mới	HĐ tái tục	HĐ khai thác mới	HĐ tái tục	HĐ khai thác mới	HĐ tái tục	
	(1)	(2)		(3)		(4)=(2)-(3)		(5)
1. Bảo hiểm tai nạn con người - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... ***Cộng:***								

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký và đóng dấu)*

Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo từng loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm.

- "Dự phòng toán học đã trích lập đầu kỳ": số dư đầu kỳ của dự phòng toán học đã trích lập kỳ trước.

Mẫu số 4B-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHÍ CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG BẢO HIỂM SỨC KHỎE

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: .....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến .....

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng phí chưa được hưởng phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng phí chưa được hưởng trong kỳ
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
1. Bảo hiểm tai nạn con người - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm 2. Bảo hiểm y tế - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm 3. Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm ***Cộng:***			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và đóng dấu)*

Ghi chú:

- Các mục 1, 2, 3 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.

- "Dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập đầu kỳ": số dư đầu kỳ của dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập kỳ trước.

Mẫu số 4C-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG BỒI THƯỜNG

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: .....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến.....

I. Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng bồi thường đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng bồi thường phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng bồi thường trong kỳ
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
1. Bảo hiểm tai nạn con người - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm 2. Bảo hiểm y tế - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm 3. Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm ***Cộng***			

II. Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng bồi thường đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng bồi thường phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng bồi thường trong kỳ
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
1. Bảo hiểm tai nạn con người - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm 2. Bảo hiểm y tế - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm 3. Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe			

- Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm ***Cộng***			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU *(Ký và ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký và đóng dấu)*

Ghi chú:

- Các mục 1, 2, 3 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo loại từng sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.

Mẫu số 4D-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG BẢO ĐẢM CÂN ĐỐI

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: .....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến.....

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	Tăng (giảm)
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
Lợi nhuận trước thuế Dự phòng bảo đảm cân đối			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 5-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

- Tên doanh nghiệp:.....
- Báo cáo quý (năm): từ..... đến.....

Đơn vị: Triệu đồng

A. BÁO CÁO NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Nguồn vốn đầu tư	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ	Doanh thu đầu tư	Lợi nhuận đầu tư
I. Nguồn vốn chủ sở hữu						
1. Nguồn vốn chủ sở hữu						
2. Phần vốn chủ sở hữu tương ứng với biên khả năng thanh toán tối thiểu						
3. Phần vốn chủ sở hữu tương ứng với vốn pháp định						
4. Phần vốn chủ sở hữu để đầu tư tài chính						
- Đầu tư trong nước từ nguồn vốn chủ sở hữu						
- Đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn chủ sở hữu						
II. Tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm:						
1. Tổng dự phòng nghiệp vụ						

- Dự phòng toán học						
- Dự phòng phí chưa được hưởng						
- Dự phòng bồi thường						
- Dự phòng chia lãi						
- Dự phòng đảm bảo lãi suất cam kết						
- Dự phòng bảo đảm cân đối						
2. Gửi tại các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam để trả tiền bảo hiểm thường xuyên trong kỳ						
3. Nguồn vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm						
III. Tổng số tiền đầu tư						

Ghi chú: Số liệu về doanh thu đầu tư và lợi nhuận hoạt động đầu tư đề nghị là số lũy kế tính tới thời điểm lập báo cáo

B. BÁO CÁO CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	Kỳ báo cáo (Quý/Năm)							**Cùng kỳ năm trước (Quý/Năm)**						
Danh mục đầu tư	Giá trị tài sản đầu kỳ	Lãi suất bình quân (coupon)	Lợi nhuận đầu tư phát sinh trong kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư phát sinh trong kỳ	Thay đổi đầu tư khác phát sinh trong kỳ	Giá trị tài sản cuối kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư lũy kế cuối kỳ	Giá trị tài sản đầu kỳ	Lãi suất bình quân (coupon)	Lợi nhuận đầu tư phát sinh trong kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư phát sinh trong kỳ	Thay đổi đầu tư khác phát sinh trong kỳ	Giá trị tài sản cuối kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư lũy kế cuối kỳ
I. Đầu tư từ Nguồn vốn chủ sở hữu														

1. Gửi tiền tại Các tổ chức tín dụng														
- Các khoản tiền gửi dưới 3 tháng														
- Các khoản tiền gửi trên 3 tháng và dưới 1 năm														
- Các khoản tiền gửi > 1 năm														
2. Trái phiếu chính phủ *(chi tiết theo từng thời hạn ban đầu của trái phiếu)*														
- Tín phiếu kho bạc														
- Trái phiếu kho bạc														
- Công trái xây dựng tổ quốc														
3. Trái phiếu chính quyền địa phương														
4. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh														
5. Trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm														
6. Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm														
7. Cổ phiếu														
8. Chứng chỉ quỹ														
9. Góp vốn vào các doanh nghiệp khác														
10. Kinh doanh bất động sản														
11. Tạm ứng từ giá trị tài khoản của khách hàng *(bao gồm cả tạm ứng để đóng phí bảo hiểm)*														

12. Khác														
13. Ủy thác đầu tư														
II. Đầu tư nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ														
1. Gửi tiền tại Các tổ chức tín dụng														
- Các khoản tiền gửi dưới 3 tháng														
- Các khoản tiền gửi trên 3 tháng và dưới 1 năm														
- Các khoản tiền gửi > 1 năm														
2. Trái phiếu chính phủ *(chi tiết theo từng thời hạn ban đầu trái phiếu)*														
- Tín phiếu kho bạc														
- Trái phiếu kho bạc														
- Công trái xây dựng tổ quốc														
3. Trái phiếu chính quyền địa phương														
4. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh														
5. Trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm														
6. Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm														
7. Cổ phiếu														
8. Chứng chỉ quỹ														
9. Góp vốn vào các doanh nghiệp khác														

10. Kinh doanh bất động sản														
11. Tạm ứng từ giá trị tài khoản của khách hàng *(bao gồm cả tạm ứng để đóng phí bảo hiểm)*														
12. Khác														
13. Ủy thác đầu tư														

Ghi chú: *Đối với hoạt động ủy thác đầu tư, đề nghị doanh nghiệp kê chi tiết danh mục đầu tư đối với giá trị tài sản ủy thác đầu tư theo thứ tự từ 1 - 12.*

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 6-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KHẢ NĂNG THANH TOÁN

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: .....
- Báo cáo tháng, quý (năm)..... từ..... đến.....

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	Giá trị loại trừ tính biên khả năng thanh toán
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả			
2. Các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán a) Tiền mặt, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, tiền đang chuyển, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh không hạn chế b) Tài sản tái bảo hiểm (trừ tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm)		0% 0%	
3. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán a) Các tài sản đầu tư: + Trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo + Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm; + Cổ phiếu được niêm yết, chứng chỉ quỹ; + Cổ phiếu không được niêm yết; + Đầu tư vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng; + Đầu tư vào bất động sản cho thuê; + Vốn góp vào các doanh nghiệp khác (trừ vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm từ nguồn vốn chủ sở hữu) b) Các khoản phải thu: + Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn từ chín mươi (90) ngày đến dưới 1 năm;		1% 3% 15% 20% 8% 15% 20% 30%	

+ Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật; + Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm: loại trừ 30%. Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%; + Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm: loại trừ 50%. Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%. c) Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho. d) Tài sản khác.		50% 30% 50% 25% 15%	
4. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán: a) Các khoản vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác khác từ nguồn vốn chủ sở hữu; b) Các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật; c) Tài sản cố định vô hình trừ phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất; d) Chi phí trả trước, các khoản tạm ứng (trừ tạm ứng từ giá trị hoàn lại), trang thiết bị và đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ; đ) Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn trên 02 năm; e) Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 02 năm trở lên; g) Các khoản đầu tư trở lại cho cổ động (thành viên) góp vốn hoặc người có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, trừ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng; h) Các khoản đầu tư gián tiếp nước ngoài chưa thu hồi được trong vòng 01 năm kể từ khi quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực; i) Các khoản đầu tư vào các tài sản vượt quá hạn mức quy định của pháp luật;		100% 100% 100% 100% 100% 100% 100% 100%	

k) Tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm;		100%	
5. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp			
6. Biên khả năng thanh toán tối thiểu - Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn 5 năm trở xuống - Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 5 năm			
7. So sánh 5 và 6:	- Theo số tuyệt đối - Theo tỷ lệ %		

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU	CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 7-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO ASEAN

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: .....
- Báo cáo năm..... từ..... đến .....

I. BÁO CÁO NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

Đơn vị: nghìn USD

Tiêu chí	Số lượng hợp đồng	Số lượng chứng nhận bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm
A. HỢP ĐỒNG KHAI THÁC MỚI			
a) Bảo hiểm cá nhân i. Bảo hiểm tai nạn con người ii. Bảo hiểm y tế iii. Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe b) Bảo hiểm nhóm **TỔNG SỐ**			
B. HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM CÓ HIỆU LỰC a) Bảo hiểm cá nhân i. Bảo hiểm tai nạn con người ii. Bảo hiểm y tế iii. Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe b) Bảo hiểm nhóm **TỔNG SỐ**			

II. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: nghìn USD

TÀI SẢN	Số tiền	CÔNG NỢ VÀ NGUỒN VỐN	Số tiền
Trái phiếu chính phủ Tài sản cố định Bất động sản Đầu tư vào bất động sản Tài sản cố định khác Cho vay thế chấp Chứng khoán doanh nghiệp có lãi suất cố định Cổ phiếu và các chứng khoán khác Cho vay theo hợp đồng bảo hiểm Các khoản cho vay khác Tiền Tiền gửi ngân hàng Tiền mặt và tài khoản thanh toán Các khoản đầu tư khác		Vốn và các quỹ Vốn điều lệ đã góp Các quỹ Dự phòng đánh giá lại tài sản Thặng dư quỹ chủ hợp đồng chưa chia Dự phòng nghiệp vụ Dự phòng toán học Dự phòng phí Dự phòng bồi thường Dự phòng khác Thấu chi ngân hàng Bồi thường phải trả Nợ thuế Chi phí bảo hiểm dồn tích	

Thuế được hoàn trả Phải thu phí bảo hiểm Phải thu từ DNBH/doanh nghiệp tái bảo hiểm Các tài sản khác **Tổng tài sản**		Đặt cọc phí bảo hiểm Phải trả DNBH/doanh nghiệp tái bảo hiểm Công nợ khác **Tổng công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu**	

III. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: nghìn USD

Mục	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Thu nhập phí bảo hiểm ròng	
2	Thu nhập đầu tư ròng	
3	Thu nhập khác	
4	Tổng (1+2+3)	
5	Quyền lợi bảo hiểm phát sinh a. Đáo hạn b. Tử vong c. Trả giá trị hoàn lại d. Trả tiền định kỳ đ. Khác	
6	Tăng (giảm) dự phòng nghiệp vụ	
7	Tổng (5+6)	
8	Hoa hồng	
9	Thuế, phí và lệ phí	
10	Chi phí chung cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm	
11	Chi phí khác	
12	Tổng (7+ 8+9+10+11)	
13	Thu nhập ròng từ hoạt động kinh doanh chưa tính đến các khoản lãi và lỗ từ vốn, thuế thu nhập doanh nghiệp, cổ tức trả cổ đông và các khoản phân bổ khác (4-12)	
14	Lãi và lỗ từ vốn đã được thực hiện	
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	
16	Cổ tức trả cho cổ đông	
17	Các khoản phân bổ khác	
18	Tổng (15+16+17)	
19	Thu nhập ròng đã tính đến các khoản lãi và lỗ từ vốn, thuế thu nhập doanh nghiệp, cổ tức trả cổ đông và các khoản phân bổ khác (13+14-18)	

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và đóng dấu)*

Mẫu số 8-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO THEO DÕI RIÊNG DOANH THU, CHI PHÍ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM
THEO TỪNG LOẠI NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Báo cáo quý:..... từ..... đến.....

I. Trình bày chính sách ghi nhận

1. Nguyên tắc phân bổ doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm:

- Loại doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm:....
- Tiêu thức phân bổ doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm:.....

2. Nguyên tắc phân bổ chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm:

- Loại chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm:.....
- Tiêu thức phân bổ chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm:.....

II. Kết quả hoạt động kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Bảo hiểm tai nạn con người	Bảo hiểm y tế	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe	Tổng cộng
I. Doanh thu phí bảo hiểm (I)=(3)+(4)+(5) 1. Doanh thu phí bảo hiểm gốc và nhận tái - Phí bảo hiểm gốc - Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc (giảm phí, hoàn phí bảo hiểm gốc) - Phí nhận tái bảo hiểm - Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm (giảm phí, hoàn phí nhận tái bảo hiểm) - Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm 2. Phí nhượng tái bảo hiểm - Tổng phí nhượng tái bảo hiểm - Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm 3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (3)=(1)-(2) 4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm - Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm - Giảm trừ hoa hồng (Hoàn hoa hồng, giảm hoa hồng 5. Thu khác hoạt động bảo hiểm				
II. Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (II)=(5)+(6)+(7) 1. Chi bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái				

- Tổng chi bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái - Các khoản thu giảm chi (Thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%) 2. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm 3. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm 4. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm 5. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (5)=(1)+(2)-(3)+(4)-(5) 6. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm - Chi hoa hồng bảo hiểm - Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm - Chi quản lý đại lý bảo hiểm - Chi đề phòng, hạn chế tổn thất - Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định (chi lập quỹ bảo vệ người được bảo hiểm,...) - Chi khác 7. Chi quản lý doanh nghiệp				
III. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm (III)=(I)-(II)				

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

..... Ngày..... tháng.....năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU	CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 9-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
DANH MỤC SẢN PHẨM CỦA DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM SỨC KHỎE

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe:.....
- Tháng báo cáo.....

STT	Tên nghiệp vụ	Tên sản phẩm được Bộ Tài chính phê chuẩn	Tên thương mại (nếu có)	Số công văn phê chuẩn của BTC, ngày phê chuẩn	Công văn phê chuẩn sửa đổi, bổ sung (nếu có)	Ngày triển khai	Ngày dừng triển khai
Sản phẩm bảo hiểm chính							
Sản phẩm bổ trợ (nếu có)							

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực

...., ngày.. tháng.. năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 10-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CỦA CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Thời kỳ báo cáo: Từ 01/01/năm... đến 31/12/năm...

I. BÁO CÁO VỀ SẢN PHẨM BẢO HIỂM

1. Về cơ cấu sản phẩm:

1.1. Báo cáo về sản phẩm:

Tên sản phẩm	Tình trạng (*)	Tỷ trọng theo doanh thu (%)	Tỷ trọng theo số lượng hợp đồng khai thác mới (%)
1. Bảo hiểm tai nạn con người - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2....			

(*): Tình trạng là một trong 3 tình trạng sau:

- Ngừng triển khai trong kỳ
- Mới triển khai trong kỳ

- Đang triển khai: đối với các sản phẩm đã bắt đầu triển khai từ những kỳ trước và vẫn tiếp tục được triển khai.

1.2. Nhận xét, đánh giá của Chuyên gia tính toán về sự thay đổi cơ cấu sản phẩm của doanh nghiệp trong kỳ

2. Đánh giá các giả định tính phí và tính dự phòng:

Giả định tính phí

Tên sản phẩm	Giả định tính phí đang áp dụng					Thực tế tại doanh nghiệp					Chênh lệch giữa thực tế và giả định					Ghi chú
	Lãi suất (nếu có)	Bảng tỷ lệ tử vong	Bảng tỷ lệ thương tật	Bảng tỷ lệ nằm viện	(...) (*)	Lãi suất (nếu có)	Bảng tỷ lệ tử vong	Bảng tỷ lệ thương tật	Bảng tỷ lệ nằm viện	(...) (*)	Lãi suất (nếu có)	Bảng tỷ lệ tử vong	Bảng tỷ lệ thương tật	Bảng tỷ lệ nằm viện	(...) (*)	
Sản phẩm A																
.....																

● Giả định tính dự phòng

Tên sản phẩm	Các thay đổi đã được phê chuẩn trong năm (**)					Cơ sở tính dự phòng hiện tại					Ghi chú (***)
	Lãi suất (nếu có)	Bảng tỷ lệ tử vong	Bảng tỷ lệ thương tật	Bảng tỷ lệ nằm viện	(...) (*)	Lãi suất (nếu có)	Bảng tỷ lệ tử vong	Bảng tỷ lệ thương tật	Bảng tỷ lệ nằm viện	(...) (*)	
Sản phẩm A											
.....											

(*): các giả định khác

(**): Các thay đổi trong giả định tính dự phòng đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trong năm và sẽ được áp dụng trong năm kế tiếp.

(***) Phần ghi chú để trình bày cơ sở của các thay đổi này (ví dụ: trên cơ sở các thống kê từ tỷ lệ thực tế của công ty, các nghiên cứu, thống kê được công bố, các tỷ lệ cung cấp của công ty tái bảo hiểm...).

● Nhận xét, đánh giá của chuyên gia tính toán về tính hợp lý của các giả định mới áp dụng.

3. Doanh thu phí và tỷ lệ trả tiền bảo hiểm

Tên sản phẩm	Tổng doanh thu phí trong kỳ (A)	Tổng số tiền bồi thường và trả tiền bảo hiểm trong kỳ (B)	Tỷ lệ B/A (%)
Sản phẩm A			
.....			

II. BÁO CÁO VỀ BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

- Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp đầu kỳ (C):

- Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp đầu kỳ (D):

- So sánh C và D (theo số tuyệt đối và tỷ lệ C/D):

- Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp cuối kỳ (E):

- Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp cuối kỳ (F):

- So sánh E/F:

- Nhận xét của Chuyên gia tính toán về khả năng thanh toán của doanh nghiệp và sự thay đổi biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

III. BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN VÀ CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ

- Chính sách, quy trình, và kiểm soát của công ty liên quan đến hoạt động đầu tư của các quỹ.

- Phương thức định giá tài sản cho từng loại hình tài sản đầu tư.

Đối với các nội dung chính trên, Chuyên gia tính toán dự phòng cần nêu ra ý kiến của mình về sự tương thích của chính sách đầu tư hiện hành với bản chất hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong từng quỹ. Nếu Chuyên gia tính toán nhận thấy chính sách hiện hành không thích hợp, Chuyên gia tính toán cần nêu ra đề xuất để khắc phục.

Tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

..., ngày... tháng... năm...
CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký và ghi rõ tên)

Mẫu số 1-MGBH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI BẢO HIỂM

- Tên doanh nghiệp: .....
- Kỳ báo cáo:..... từ..... đến .....

Nghiệp vụ bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm thu xếp qua môi giới bảo hiểm gốc (tỷ đồng)		Số phí bảo hiểm, tái bảo hiểm đã thu xếp (triệu đồng)												Hoa hồng môi giới bảo hiểm, tái bảo hiểm (triệu đồng)											
			Phí bảo hiểm gốc						Phí tái bảo hiểm						Hoa hồng môi giới bảo hiểm gốc						Hoa hồng môi giới tái bảo hiểm					
			Trong kỳ					Lũy kế	Trong kỳ					Lũy kế	Trong kỳ					Lũy kế	Trong kỳ					Lũy kế
	Khách hàng trong nước	Khách hàng nước ngoài	Trong nước	Nhận từ nước ngoài	Ra nước ngoài	Ở nước ngoài	Tổng số		Trong nước	Nhận từ nước ngoài	Ra nước ngoài	Ở nước ngoài	Tổng số		Trong nước	Nhận từ nước ngoài	Ra nước ngoài	Ở nước ngoài	Tổng số		Trong nước	Nhận từ nước ngoài	Ra nước ngoài	Ở nước ngoài	Tổng số	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)
I. Bảo hiểm sức khỏe																										
1. Bảo hiểm tai nạn con người																										
2. Bảo hiểm y tế																										
3. Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe																										
II. Bảo hiểm phi nhân thọ																										
1. Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại *Trong đó:* *- Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng*																										
2. Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển																										
3. Bảo hiểm hàng không																										
4. Bảo hiểm xe cơ giới																										
a. Bảo hiểm bắt buộc *b. Bảo hiểm tự nguyện*																										
5. Bảo hiểm cháy, nổ																										
a. Bảo hiểm bắt buộc *b. Bảo hiểm tự nguyện*																										
6. Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu																										
7. Bảo hiểm trách nhiệm, trong đó: *- Bảo hiểm trách nhiệm trong khám, chữa bệnh*																										

- Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng *- Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường*																										
8. Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính																										
9. Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh																										
10. Bảo hiểm nông nghiệp																										
11. Bảo hiểm bảo lãnh																										
III. Bảo hiểm nhân thọ																										
A. Nghiệp vụ bảo hiểm																										
1. Bảo hiểm trọn đời																										
2. Bảo hiểm sinh kỳ																										
3. Bảo hiểm tử kỳ																										
4. Bảo hiểm hỗn hợp																										
5. Bảo hiểm trả tiền định kỳ																										
6. Bảo hiểm liên kết đầu tư *a. Bảo hiểm liên kết chung* *b. Bảo hiểm liên kết đơn vị*																										
7. Bảo hiểm hưu trí																										
B. Hợp đồng bảo hiểm																										
1. Hợp đồng chính																										
2. Hợp đồng bổ trợ																										

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên đây là đúng sự thật.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Ghi chú:

(2) Số tiền bảo hiểm thu xếp qua môi giới gốc khách hàng trong nước: Là số tiền bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm gốc thu xếp cho đối tượng khách hàng tại Việt Nam;

(3) Số tiền bảo hiểm thu xếp qua môi giới gốc khách hàng nước ngoài: Là số tiền bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm gốc thu xếp cho đối tượng khách hàng tại nước ngoài;

(4), (16) Môi giới bảo hiểm gốc trong nước: Là hợp đồng bảo hiểm thu xếp cho khách hàng tại Việt Nam với doanh nghiệp bảo hiểm gốc tại Việt Nam;

(5), (17) Môi giới bảo hiểm gốc nhận từ nước ngoài: Là hợp đồng bảo hiểm thu xếp cho khách hàng tại nước ngoài với doanh nghiệp bảo hiểm gốc tại Việt Nam;

(6), (18) Môi giới bảo hiểm gốc ra nước ngoài: Là hợp đồng bảo hiểm thu xếp cho khách hàng tại Việt Nam với doanh nghiệp bảo hiểm gốc tại nước ngoài (tham gia việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới);

(7), (19) Môi giới bảo hiểm gốc ở nước ngoài: Là hợp đồng bảo hiểm thu xếp cho khách hàng tại nước ngoài với doanh nghiệp bảo hiểm gốc tại nước ngoài (trường hợp mở rộng địa bàn hoạt động ra ngoài lãnh thổ Việt Nam);

(10), (22) Môi giới tái bảo hiểm trong nước: Là hợp đồng tái bảo hiểm thu xếp giữa bên nhượng tái là doanh nghiệp bảo hiểm (tái bảo hiểm) tại Việt Nam và bên nhận tái là doanh nghiệp tái bảo hiểm (bảo hiểm) tại Việt Nam;

(11), (23) Môi giới tái bảo hiểm nhận từ nước ngoài: Là hợp đồng tái bảo hiểm thu xếp giữa bên nhượng tái là doanh nghiệp bảo hiểm (tái bảo hiểm) tại nước ngoài và bên nhận tái là doanh nghiệp tái bảo hiểm (bảo hiểm) tại Việt Nam;

(12), (24) Môi giới tái bảo hiểm ra nước ngoài: Là hợp đồng tái bảo hiểm thu xếp giữa bên nhượng tái là doanh nghiệp bảo hiểm (tái bảo hiểm) tại Việt Nam và bên nhận tái là doanh nghiệp tái bảo hiểm (bảo hiểm) tại nước ngoài;

(13), (25) Môi giới tái bảo hiểm ở nước ngoài: Là hợp đồng tái bảo hiểm thu xếp giữa bên nhượng tái là doanh nghiệp bảo hiểm (tái bảo hiểm) tại nước ngoài và bên nhận tái là doanh nghiệp tái bảo hiểm (bảo hiểm) tại nước ngoài;

(8), (14)/(20), (26) Tổng số: Tổng số phí bảo hiểm/hoa hồng môi giới bảo hiểm thu xếp trong kỳ báo cáo;

(9), (15)/(21), (27) Lũy kế: Tổng số phí bảo hiểm/hoa hồng môi giới bảo hiểm tính từ thời điểm đầu năm tài chính đến cuối kỳ báo cáo.

Đối với phần III Bảo hiểm nhân thọ, thực hiện thống kê theo cả 2 tiêu chí Nghiệp vụ bảo hiểm (A) và Hợp đồng bảo hiểm (B).

Mẫu số 2-MGBH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI BẢO HIỂM

- Tên doanh nghiệp:.....
- Kỳ báo cáo:..... từ..... đến

Nội dung hoạt động môi giới bảo hiểm	Đối tượng khách hàng							
	Khách hàng ở trong nước				Khách hàng ở nước ngoài			
	Số lượng khách hàng	Số lượng hợp đồng bảo hiểm thu xếp	Phí bảo hiểm thu xếp (triệu đồng)	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng khách hàng	Số lượng hợp đồng bảo hiểm thu xếp	Phí bảo hiểm thu xếp (triệu đồng)	Doanh thu (triệu đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I. Hoạt động môi giới bảo hiểm gốc								
II. Hoạt động môi giới tái bảo hiểm								
III. Hoạt động môi giới khác								

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên đây là đúng sự thật.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 3-MGBH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
THAM GIA HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO HIỂM QUA BIÊN GIỚI

- Tên doanh nghiệp:.....
- Kỳ báo cáo:..... từ..... đến.....

Tổ chức cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới	Loại hình nghiệp vụ bảo hiểm	Số lượng hợp đồng bảo hiểm cung cấp qua biên giới	Phí bảo hiểm (triệu đồng)
Tên tổ chức 1	1. Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại *- Trong đó:* *Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng*		
	2. Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển		
	3. Bảo hiểm hàng không		
	4. Bảo hiểm xe cơ giới *a. Bảo hiểm bắt buộc* *b. Bảo hiểm tự nguyện*		
	5. Bảo hiểm cháy, nổ *a. Bảo hiểm bắt buộc* *b. Bảo hiểm tự nguyện*		
	6. Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu		
	7. Bảo hiểm trách nhiệm Trong đó: *- Bảo hiểm trách nhiệm trong khám, chữa bệnh* *- Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng* *- Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường*		
	8. Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính		
	9. Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh		
	10. Bảo hiểm nông nghiệp		
	11. Bảo hiểm bảo lãnh		
Tên tổ chức 2	Báo cáo tương tự theo từng loại nghiệp vụ bảo hiểm		
....			
	Tổng cộng		

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu

Mẫu số 1-ĐLBH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO DANH SÁCH ĐẠI LÝ BẢO HIỂM VI PHẠM QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài:.....
- Kỳ báo cáo:..... từ..... đến.....

STT	Họ và tên đại lý bảo hiểm	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/thẻ căn cước công dân (đối với cá nhân)/Mã số thuế (đối với tổ chức)	Chứng chỉ đại lý bảo hiểm		Hợp đồng đại lý bảo hiểm		Ngày thôi việc	Vi phạm quy định
				Số	Ngày	Số	Ngày		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	**ĐẠI LÝ CÁ NHÂN**								
A1									
A2									
B	**ĐẠI LÝ TỔ CHỨC**								
B1	**Tên tổ chức**								
B1.1	Cá nhân thuộc tổ chức								
B1.2									
B2	**Tên tổ chức**								
B2.1	Cá nhân thuộc tổ chức								
B2.2									

..., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 1-QPPF
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TRÍCH NỘP QUỸ
NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài:.....
- Báo cáo năm..... từ..... đến.....

1. Tổng doanh thu phí bảo hiểm giữ lại của các hợp đồng bảo hiểm gốc trong năm tài chính

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nghiệp vụ bảo hiểm	Phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm gốc (sau khi đã trừ giảm phí, hoàn phí bảo hiểm)	Nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm gốc (sau khi đã trừ giảm phí, hoàn phí bảo hiểm)	Phí bảo hiểm giữ lại của các hợp đồng bảo hiểm gốc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe			
2	Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ			
3	Nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ			
	Tổng			

Chỉ tiêu (5) là kết quả chêch lệch giữa chỉ tiêu (3) và chỉ tiêu (4).

2. Tổng số tiền phải trích nộp quỹ Bảo vệ người được bảo hiểm trong năm

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng....năm

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và đóng dấu)*

Mẫu số 1-CBTT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm:.....
- Năm báo cáo:.....

I. Lịch sử hoạt động của doanh nghiệp, chi nhánh

- Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập

+ Các sự kiện khác

- Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh

+ Tình hình hoạt động

- Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị (đối với doanh nghiệp có hội đồng quản trị trong cơ cấu tổ chức)

- Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm và tình hình tài chính tại thời điểm cuối năm

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)

- Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh...)

- Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...)

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

- Phân tích những biến động, thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động

- Những thay đổi về vốn chủ sở hữu

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động kinh doanh trước đây

IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập

- Ý kiến kiểm toán độc lập
- Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý)

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ
- Các nhận xét đặc biệt

VI. Các bên có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty
- Công ty có trên 50% cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan
- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài
- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành
- Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm
- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động
- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên)

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên đây là đúng sự thật.

....., ngày..... tháng....năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và đóng dấu)*

Mẫu số 2-CBTT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài:.....
- Kỳ báo cáo:..... từ..... đến.....

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
	TÀI SẢN		
I	**Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn**		
1	Tiền		
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu		
4	Tài sản lưu động khác		
II	**Tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn**		
1	Tài sản cố định		
	- Nguyên giá		
	- Khấu hao lũy kế		
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
3	Ký quỹ		
4	Tài sản khác		
III	**Tổng tài sản**		
	CÔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
IV	**Công nợ**		
1	Nợ ngắn hạn		
2	Nợ dài hạn		
3	Nợ khác		
4	Dự phòng nghiệp vụ		
V	**Nguồn vốn chủ sở hữu**		
1	Nguồn vốn kinh doanh		
2	Các quỹ		
3	Lợi nhuận chưa phân phối		
4	Nguồn vốn khác		
VI	**Tổng công nợ và vốn chủ sở hữu**		

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kỳ trước	Kỳ này
1	**Tổng doanh thu**		
	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm		

	Doanh thu về hoạt động tài chính		
	Doanh thu khác		
2	**Tổng chi phí**		
	Chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm		
	Chi phí hoạt động tài chính		
	Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Chi phí khác		
3	**Lợi nhuận trước thuế**		
4	**Thuế thu nhập phải nộp**		
5	**Lợi nhuận sau thuế**		

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN (chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	**Cơ cấu tài sản** - Tài sản cố định/Tổng tài sản - Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%		
2	**Cơ cấu nguồn vốn** - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu	%		
3	**Khả năng thanh toán** - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	%		
4	**Tỷ suất lợi nhuận** - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%		

....., ngày..... tháng....năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng